BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Báo cáo Quý IV năm 2020

Và lũy kế từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/03/2021

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 46
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên
Bà: Phan Thị Phương Thuý	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2020
Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2020
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà: Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2020

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hường	Thành viên
Ông: Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Thị Hoàng Hà
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.510.958.297.742**	**3.605.172.636.141**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**03**	**95.865.362.824**	**95.911.897.025**
111	1. Tiền		95.865.362.824	74.911.897.025
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	21.000.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**04**	**1.362.247.859.726**	**1.056.552.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.362.247.859.726	1.056.552.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**553.235.722.447**	**349.390.192.286**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	149.579.961.241	84.117.148.101
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	98.649.101.403	44.724.778.373
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	305.006.659.803	220.548.265.812
140	**IV. Hàng tồn kho**	**08**	**1.496.174.130.049**	**2.035.875.866.186**
141	1. Hàng tồn kho		1.496.174.130.049	2.035.875.866.186
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**3.435.222.696**	**67.442.680.644**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.433.459.359	17.763.105.494
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.763.337	49.679.575.150
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.755.434.539.399**	**3.244.390.744.212**
220	**I. Tài sản cố định**		**70.678.271.890**	**69.816.506.017**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	18.035.676.623	17.005.173.182
222	*- Nguyên giá*		*54.678.661.604*	*51.738.681.604*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(36.642.984.981)*	*(34.733.508.422)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	52.642.595.267	52.811.332.835
228	*- Nguyên giá*		*56.429.385.890*	*56.429.385.890*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(3.786.790.623)*	*(3.618.053.055)*
230	**II. Bất động sản đầu tư**	**11**	**247.074.209.722**	**249.223.965.921**
231	- Nguyên giá		271.141.197.992	271.141.197.992
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(24.066.988.270)	(21.917.232.071)
250	**III. Đầu tư tài chính dài hạn**	**04**	**4.437.682.057.787**	**2.925.350.272.274**
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.447.614.836.570	1.707.767.970.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.220.850.901.970
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.932.778.783)	(3.268.599.696)
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**8.266.392.837.141**	**6.849.563.380.353**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2021 VND	01/04/2020 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.836.112.502.720**	**2.972.524.094.627**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**3.542.471.409.145**	**1.893.061.558.141**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	10.294.230.557	26.564.937.326
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	282.495.729.031	683.265.979.034
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	39.151.727.780	10.388.983.643
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	38.334.406.597	39.108.954.280
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.106.620.411	1.457.399.603
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	111.939.786.708	663.029.125.432
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	3.059.011.311.998	469.108.582.760
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	**II. Nợ dài hạn**		**293.641.093.575**	**1.079.462.536.486**
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	12.252.349.497	504.407.409.046
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	42.261.455.658	-
339	3. Trái phiếu chuyển đổi	20	239.127.288.420	575.055.127.440
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.430.280.334.421**	**3.877.039.285.726**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**21**	**4.430.280.334.421**	**3.877.039.285.726**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.841.602.840.000	3.629.940.140.000
411a	*Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.841.602.840.000*	*3.629.940.140.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		164.596.100.922	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		18.413.885.076	44.370.685.998
415	4. Cổ phiếu quỹ		(219.996.488.178)	(219.996.488.178)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		625.663.996.601	422.724.947.906
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*226.085.160.638*	*147.975.558.096*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*399.578.835.963*	*274.749.389.810*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**8.266.392.837.141**	**6.849.563.380.353**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Trà	Phùng Thị Thu Hương	Trần Thị Hoàng Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý VI		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23**	**474.619.371.043**	**525.245.551.038**	**2.809.922.597.422**	**1.796.338.998.551**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	925.454.545	-	1.784.545.454	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**473.693.916.498**	**525.245.551.038**	**2.808.138.051.968**	**1.796.338.998.551**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**25**	**313.226.373.878**	**396.653.452.103**	**1.950.308.606.742**	**1.183.433.299.713**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**160.467.542.620**	**128.592.098.935**	**857.829.445.226**	**612.905.698.838**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	28.620.948.451	11.634.525.233	202.641.486.682	131.222.884.692
22	7. Chi phí tài chính	27	61.392.470.403	26.854.835.844	236.879.576.440	72.907.272.568
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*59.689.454.129*	*29.459.010.741*	*230.196.188.175*	*69.638.672.837*
25	8. Chi phí bán hàng	28	8.146.358.390	10.944.264.887	66.848.713.702	40.817.246.193
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	2.989.428.881	3.262.799.225	13.716.439.428	17.656.160.368
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**116.560.233.397**	**99.164.724.212**	**743.026.202.338**	**612.747.904.401**
31	11. Thu nhập khác	30	622.167.879	998.344.009	7.387.120.882	3.413.178.310
32	12. Chi phí khác	31	295.189.324	60.235.500	663.686.735	176.501.620
40	**13. Lợi nhuận khác**		**326.978.555**	**938.108.509**	**6.723.434.147**	**3.236.676.690**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý VI		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**116.887.211.952**	**100.102.832.721**	**749.749.636.485**	**615.984.581.091**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	23.401.803.557	20.020.566.544	141.177.398.573	108.620.607.430
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**93.485.408.395**	**80.082.266.177**	**608.572.237.912**	**507.363.973.661**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Trà	Phùng Thị Thu Hương	Trần Thị Hoàng Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021 VND	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***749.749.636.485***	***615.984.581.091***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***38.446.991.067***	***(52.301.553.360)***
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.227.970.326	6.009.200.255
03	- Các khoản dự phòng		6.664.179.087	3.268.599.696
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		140.161	(18.712.511)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(202.641.486.682)	(131.199.313.637)
06	- Chi phí lãi vay		230.196.188.175	69.638.672.837
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***788.196.627.552***	***563.683.027.731***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(120.683.607.799)	(28.860.629.852)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		539.701.736.137	(1.059.386.312.419)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.463.442.274.688)	919.764.686.911
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.329.646.135	(17.082.196.403)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(215.822.027.195)	(48.648.894.399)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(144.883.872.932)	(101.652.930.477)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(602.603.772.790)***	***227.816.751.092***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.939.980.000)	(100.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	4.380.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.667.422.859.726)	(1.259.552.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.361.727.000.000	502.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.965.395.964.600)	(208.358.320.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		459.470.400.000	529.855.200.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		156.086.976.133	102.921.319.502
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(1.658.474.428.193)***	***(328.853.800.498)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021 VND	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		4.018.616.852.933	994.708.582.760
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.386.452.668.037)	(590.126.793.598)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(371.132.377.953)	(402.600.359.631)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***2.261.031.806.943***	***1.981.429.531***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(46.394.040)**	**(99.055.619.875)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**95.911.897.025**	**194.948.804.389**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(140.161)	18.712.511
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**03**	**95.865.362.824**	**95.911.897.025**

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Trà	Phùng Thị Thu Hương	Trần Thị Hoàng Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 03 tháng 04 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.841.602.840.000 đồng; Tương đương 384.160.284 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 là: 95 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2020 là: 59 người.)

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khác đường bộ khách; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Do làn sóng đầu tư FDI mới tại Việt Nam, Các doanh nghiệp FDI xúc tiến kế hoạch di chuyển nhiều nhà máy từ quốc gia khác về Việt Nam làm cho nhu cầu các ngành vận tải tăng dẫn đến doanh thu bán xe đầu kéo Mỹ tăng 702,38 tỷ đồng (tương ứng với 97,31%).
- Công ty đã hoàn thành bàn giao đến 99,01% các căn nhà của dự án Hoàng Huy Mall cho người mua, Công ty cũng tiếp tục bán và bàn giao một số căn biệt thự, liền kề tại dự án Hoàng Huy Riverside còn lại dẫn đến doanh thu bán bất động sản năm nay tăng 407,92 tỷ đồng (tương ứng với 43,12%) so với năm trước, đồng thời Lợi nhuận trước thuế cũng tăng 100,34 tỷ đồng (tương ứng với 19,78%).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải
Địa điểm kinh doanh số 2	Số 183 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản và thương mại

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.
Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

2.19. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền sở hữu hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm Doanh thu cho thuê nhà xưởng và tài sản cố định khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan… được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021.

2.25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
Tiền mặt	784.511.743	583.604.899
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.080.851.081	74.328.292.126
Các khoản tương đương tiền	-	21.000.000.000
	95.865.362.824	**95.911.897.025**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.362.247.859.726	-	1.056.552.000.000	-
	1.362.247.859.726	**-**	**1.056.552.000.000**	**-**

(*) Tại ngày 31/03/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng với giá trị 1.362.247.859.726 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,4%/năm. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 121.692.000.000 đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (xem chi tiết tại Thuyết minh 13).

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	**4.447.614.836.570**	**(9.932.778.783)**	**1.707.767.970.000**	**(3.268.599.696)**
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (1)	2.520.275.650.000	-	1.009.409.650.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	249.184.000.000	-	249.184.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	240.816.000.000	-	240.816.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	208.358.320.000	(9.932.778.783)	208.358.320.000	(3.268.599.696)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng (2)	309.980.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc (3)	19.800.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (6)	899.200.866.570	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	**-**	**-**	**1.220.850.901.970**	**-**
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang (4)	-	-	134.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà (5)	-	-	312.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (6)	-	-	774.450.901.970	-
	4.447.614.836.570	**(9.932.778.783)**	**2.928.618.871.970**	**(3.268.599.696)**

(1) Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt, thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV theo giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 14 ngày 15/01/2021) đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.090.000.000.000 đồng lên 4.394.880.000.000 đồng theo Quyết định số 02/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2020, Quyết định số 03/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2020 và Quyết định số 04/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 28/07/2020 của Đại hội đồng Cổ đông. Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy góp vốn để mua tổng số 145.138.700 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, tương đương với tổng mệnh giá là 1.451.387.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại thời điểm này là 55,78%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV tiếp tục tăng vốn điều lệ điều lệ từ 4.394.880.000.000 đồng lên 6.592.320.000.000 đồng theo Quyết định số 05/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 13/10/2020 và Quyết định số 06/2020/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 05/12/2020 của Đại hội đồng Cổ đông. Ngày 29/12/2020, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV đã thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 13, theo đó nâng tổng số vốn điều lệ lên thành 6.592.320.000.000 đồng.

Các lần huy động vốn tiếp theo này Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy không góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV dẫn đến tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty giảm trừ 55,78% xuống còn 38,09%.

Tại ngày 31/03/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sở hữu 38,09% phần vốn, mặt khác:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy nắm giữ quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (Chi tiết xem ghi chú (6) Thuyết minh số 04). Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy lại sở hữu 35,17% phần vốn trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV.
+ Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang (tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99,78%) sở hữu 8,41% phần vốn trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV.

Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

(2) Thực hiện Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐQT ngày 06/08/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã góp vốn thành lập công ty con Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng để thực hiện dự án bất động sản. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 11/08/2020 là 310.000.000.000 đồng. Đến ngày 31/03/2021, các Cổ đông tại Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng đã góp đủ vốn điều lệ, trong đó số vốn đã góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy là 309.980.000.000 đồng, tương đương với 30.998.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

(3) Thực hiện Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐQT ngày 11/01/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã góp vốn thành lập công ty con Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 19/01/2021 là 20.000.000.000 đồng. Đến ngày 31/03/2021, các Cổ đông tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc đã góp đủ vốn điều lệ, trong đó số vốn đã góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài Chính Hoàng Huy là 19.800.000.000 đồng, tương đương với 1.980.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

(4) Thực hiện Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 08/07/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang cho bên mua với giá bán là 10.160 đồng/cổ phần.

(5) Thực hiện Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐQT ngày 08/07/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà cho bên mua với giá bán là 10.350 đồng/cổ phần.

(6) Thực hiện Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐQT ngày 24/03/2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã mua bổ sung 25.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy, tương đương với mệnh giá 250.000.000.000 đồng, giá phí 134.749.964.600 đồng. Cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư của số cổ phần này được ghi giảm giá trị khoản đầu tư với số tiền là 10.000.000.000 đồng.

Sau giao dịch trên, Công ty sở hữu 125.489.334 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy, tương đương với tổng mệnh giá là 1.254.893.340.000 đồng, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 899.200.866.570 đồng. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tăng từ 40,24% lên 45,67%.

Tại ngày 31/03/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy sở hữu 45,67% phần vốn và nắm giữ 45,67% tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS). Mặt khác:

+ Ngày 26/10/2020, Ông Đỗ Hữu Hạ đã ký Giấy chuyển giao quyền không huỷ ngang cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy. Theo đó, Ông Đỗ Hữu Hạ đã chuyển giao quyền biểu quyết của 14.800.000 cổ phần do Ông Đỗ Hữu Hạ sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng tương đương tỷ lệ 5,39%, thời hạn chuyển quyền từ ngày 30/09/2020 và không huỷ ngang.
+ Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có 3/5 người là thành viên Hội đồng quản trị của HHS, do đó có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của HHS, nên có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của HHS.

Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2021 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV (*)	Thành phố Hà Nội	57,98%	81,67%	Đầu tư bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Thành phố Hải Phòng	96,33%	96,33%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Thành phố Hải Phòng	95,84%	95,84%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	Thành phố Hải Phòng	99,98%	99,98%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	Thành phố Hải Phòng	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc	Thành phố Hải Phòng	99,00%	99,00%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Thành phố Hải Phòng	45,67%	45,67%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng

(*) Tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV bao gồm cả phần tỷ lệ lợi ích gián tiếp và quyền kiểm soát gián tiếp do Công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem Thuyết minh số 37.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Vận tải HA	16.341.255.412	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Ô tô Hoàng Long	21.657.072.725	-	5.252.072.725	-
- Phải thu các dự án bất động sản	66.813.872.736	-	48.478.753.842	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phương Bắc - HA	-	-	15.634.700.000	-
- Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	-	-	142.313.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	44.767.760.368		14.609.308.534	-
	149.579.961.241	**-**	**84.117.148.101**	**-**
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**3.222.300.000**	**-**	**-**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Hưng Thịnh	6.832.753.388	-	10.707.183.825	-
- Công ty Cổ phần Bạch Đằng 7	7.553.408.024	-	1.724.325.188	-
- Công ty TNHH Thành Trung	11.689.587.508	-	8.622.001.023	-
- Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	55.963.374.059	-	-	-
- Công ty TNHH Thi công Đá tự nhiên Nam San	290.346.063	-	2.894.806.167	-
- Công ty Cổ phần CDC Hà Nội	-	-	5.537.591.954	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Khang Minh	-	-	3.191.550.750	-
- Các khoản trả trước người bán khác	16.319.632.361	-	12.047.319.466	-
	98.649.101.403	**-**	**44.724.778.373**	**-**

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Dự thu về lãi tiền gửi, cho vay	50.233.189.865	-	16.749.079.316	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng [1]	1.370.151.521	-	2.979.498.272	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng [2]	41.493.949.666	-	150.919.201.285	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng	-	-	32.129.376.939	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp tiền ứng trước thực hiện Dự án HH3-HH4 [3]	211.909.368.751	-	17.771.110.000	-
	305.006.659.803	**-**	**220.548.265.812**	**-**
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	**211.909.368.751**	**-**	**17.771.110.000**	**-**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi Kho bạc Nhà nước giải ngân kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo phương án đã được phê duyệt.

(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Hoàng Huy Commerce cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được giảm trừ vào tiền sử dụng đất của các dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm 31/03/2021, Dự án đã thực hiện khoan khảo sát địa chất, nén tĩnh cọc.

(3) Theo Quyết định số 862/QĐ-UBND ngày 27/03/2021, UBND Thành phố Hải Phòng về việc phân bổ chi tiết dự toán ghi thu tiền sử dụng đất Dự án Hoàng Huy Commerce và Dự án Hoàng Huy - Sở Dầu (Hoang Huy Grand Tower) và ghi chi thanh toán Dự án Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3, HH4 số tiền là 664.681.741.249 đồng. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) đã được UBND Thành phố Hải Phòng thanh toán tiếp Dự án HH3, HH4 số tiền 664.681.741.249 đồng (bằng một phần tiền sử dụng đất của Dự án Hoàng Huy Commerce và Dự án Hoàng Huy - Sở Dầu). Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã chuyển phần lớn số tiền được thanh toán trên cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp là doanh nghiệp thực hiện Dự án HH3, HH4. Trong năm tài chính 2020, Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp đã ghi nhận doanh thu với số tiền là 890.926.813.170 đồng, thuế GTGT là 89.092.681.317 đồng. Số tiền này được bù trừ với số tiền ứng trước thực hiện dự án nói trên.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng tồn kho kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô	**126.723.704.350**	**-**	**1.100.509.366.135**	**-**
+ Nguyên liệu, vật liệu	765.804.800	-	765.804.800	-
+ Thành phẩm	40.161.132.011	-	732.579.892.194	-
+ Hàng hóa	21.619.049.956	-	19.936.067.476	-
+ Hàng gửi bán	64.177.717.583	-	347.227.601.665	-
- Hàng tồn kho kinh doanh bất động sản (*)	**1.369.450.425.699**	**-**	**935.366.500.051**	**-**
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.102.789.394.608	-	423.308.416.725	-
+ Thành phẩm bất động sản	266.661.031.091	-	512.058.083.326	-
	1.496.174.130.049	**-**	**2.035.875.866.186**	**-**

(*) Chi tiết hàng tồn kho kinh doanh bất động sản:

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	**1.102.789.394.608**	**-**	**423.308.416.725**	**-**
+ Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi (1)	4.029.972.000	-	4.029.972.000	-
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (2)	1.088.356.784	-	4.078.626.684	-
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình (3)	5.297.349.563	-	15.002.453.154	-
+ Dự án Hoàng Huy Commerce (4)	701.027.559.309	-	319.033.541	-
+ Dự án Hoàng Huy - Sở Dầu (Hoang Huy Grand Tower) (5)	187.374.860.341	-	13.636.364	-
+ Dự án Nhà ở Xã hội An Đồng, An Dương (6)	198.654.950.312	-	-	-
+ Dự án Hoàng Huy Mall tại Phường Kênh Dương, Phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng (7)	-	-	328.040.313.743	-
+ Dự án Bất động sản Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng (8)	-	-	67.817.413.122	-
+ Dự án khác	5.316.346.299	-	4.006.968.117	-
Thành phẩm bất động sản	**266.661.031.091**	**-**	**512.058.083.326**	**-**
+ Dự án Hoàng Huy Riverside (8)	261.962.897.595	-	512.058.083.326	-
+ Dự án Hoàng Huy Mall (7)	4.698.133.496	-	-	-
	1.369.450.425.699	**-**	**935.366.500.051**	**-**

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi tại Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao bắt đầu triển khai từ tháng 04/2017 và đã hoàn thành bàn giao 2 toà nhà 6 tầng và 126 căn hộ, khu sân chơi và trồng cây xanh để Sở Xây dựng đưa vào sử dụng và tái định cư trở lại cho các hộ dân. Đến thời điểm 31/03/2021, Công ty đang làm thủ tục xác định lãi vay huy động vốn đầu tư từ thời điểm 27/07/2018 đến ngày quyết định giao đất với số tiền 4.029.972.000 đồng.

(2) Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3-HH4 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: UBND Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.565.995.339.787 đồng;
- Doanh nghiệp Dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 05/03/2018 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Hai tòa chung cư HH3, HH4 có quy mô xây dựng 28 tầng + 1 tầng kỹ thuật + 1 tầng hầm đã cơ bản hoàn thành, ngày 15/05/2020 dự án đã được cắt băng khánh thành và đưa vào khai thác toà HH4.

(3) Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH1-HH2 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng)
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.200.649.000.000 đồng;
- Doanh nghiệp Dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Thịnh Phát;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 31/08/2018 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày bàn giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư.
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Phần ngầm và móng nhà của dự án chung cư HH1, HH2 Đồng Quốc Bình đã được hoàn thành. Công trình đang thực hiện xây dựng phần thân và phần hoàn thiện;

(4) Dự án Hoàng Huy Commerce tại Phường Kênh Dương, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 4.997.900.000.000 đồng;
- Quy mô dự án: Dự án xây dựng hai tòa nhà chung cư kết hợp thương mại dịch vụ H1, H2. Tòa H1 được chia làm ba khối tháp đặt cùng khối đế, tòa H2 gồm một khối tháp, hai tòa nhà H1, H2 cao 36 tầng nổi + 03 tầng hầm, chiều cao công trình mỗi tòa 129 m chưa gồm tầng tum, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà theo quy hoạch với tổng diện tích sử dụng đất là 26.308,5 m^2;
- Thời gian thực hiện: Dự án dự kiến bắt đầu xây dựng từ Quý II/2021 và đến Quý IV/2023 hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Dự án đã thực hiện khoan khảo sát địa chất, nén tĩnh cọc.

(5) Dự án Hoàng Huy - Sở Dầu (Hoang Huy Grand Tower) tại số 2A Sở Dầu, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.486.505.000.000 đồng;
- Quy mô dự án: Dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị và khu nhà ở liền kề, nhà ở hỗn hợp gồm 16 lô nhà có chiều cao tối đa 05 tầng thuộc công trình dân dụng cấp III và 01 nhà cao tầng 37 tầng với tổng diện tích sử dụng đất là 10.148,64 m^2;
- Thời gian thực hiện: Dự án dự kiến bắt đầu xây dựng từ Quý IV/2020 và đến Quý IV/2024 hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Dự án đang xây dựng phần ngầm tòa nhà 37 tầng;

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy hợp tác đầu tư và ủy quyền với Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng thực hiện dự án theo hợp đồng số 1208/HĐUQ/Hoàng Huy - Đại Thịnh Vượng ngày 12/08/2020. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày ký kết hợp đồng ủy quyền và hợp tác đầu tư đến sau khi hai bên ký kết hợp đồng chuyển nhượng dự án hoặc hình thức các hợp đồng khác do hai bên thỏa thuận. Phần dự án đã được thực hiện và ghi nhận tại Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng số tiền: 80.465.857.262 đồng.

(6) Dự án Nhà ở Xã hội An Đồng, An Dương tại Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng với các thông tin chi tiết sau:
- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng)
- Tổng mức đầu tư dự án: 649.125.300.000 đồng;
- Doanh nghiệp Dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào Quý III/2020 và dự kiến hoàn thành sau 36 tháng;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Dự án đã xây xong khu liền kề, các khu khác đang thực hiện xây dựng.

(7) Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Mall tại phường Kênh Dương, Hải Phòng đã được với các thông tin chi tiết sau:
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 605.045.863.000 đồng;
- Quy mô dự án: Dự án xây dựng shophouse và biệt thự liền kề với tổng diện tích khai thác giai đoạn 1 là 30.062 m^2;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu chuẩn bị đầu tư từ quý I/2018 và đã hoàn thành và bàn giao nhà;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Dự án đã bàn giao 200 căn trên tổng 202 căn tương ứng với 99,01% cho người mua nhà.

(8) Dự án Bất động sản Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng với các thông tin chi tiết sau:
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.064.000.000.000 đồng;
- Quy mô dự án: Dự án xây dựng nhà thấp tầng gồm các sản phẩm biệt thự, liền kề và shophouse với tổng diện tích khai thác là 59.116 m^2;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2021: Dự án đã hoàn thành bàn giao 249 căn trên tổng số 321 căn và đang tiếp tục được bán, bàn giao sản phẩm cho khách hàng.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.629.493.601	2.210.114.096	7.868.278.636	954.885.771	75.909.500	51.738.681.604
- Mua trong năm	-	-	2.829.980.000	110.000.000	-	2.939.980.000
Số dư cuối năm	**40.629.493.601**	**2.210.114.096**	**10.698.258.636**	**1.064.885.771**	**75.909.500**	**54.678.661.604**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	23.908.810.908	2.210.114.096	7.666.865.722	871.808.196	75.909.500	34.733.508.422
- Khấu hao trong năm	1.453.550.452	-	399.944.673	55.981.434	-	1.909.476.559
Số dư cuối năm	**25.362.361.360**	**2.210.114.096**	**8.066.810.395**	**927.789.630**	**75.909.500**	**36.642.984.981**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.720.682.693	-	201.412.914	83.077.575	-	17.005.173.182
Tại ngày cuối năm	**15.267.132.241**	**-**	**2.631.448.241**	**137.096.141**	**-**	**18.035.676.623**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.502.849.639 đồng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.217.489.700	211.896.190	56.429.385.890
Số dư cuối năm	**56.217.489.700**	**211.896.190**	**56.429.385.890**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.504.490.198	113.562.857	3.618.053.055
- Khấu hao trong năm	148.737.564	20.000.004	168.737.568
Số dư cuối năm	**3.653.227.762**	**133.562.861**	**3.786.790.623**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	52.712.999.502	98.333.333	52.811.332.835
Tại ngày cuối năm	**52.564.261.938**	**78.333.329**	**52.642.595.267**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất tại Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Km9, Quốc lộ 5 Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng phân bổ trong vòng 360 tháng và Quyền sử dụng đất lâu dài tại 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Cộng
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Số dư cuối năm	**195.000.000.000**	**76.141.197.992**	**271.141.197.992**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	-	21.917.232.071	21.917.232.071
- Khấu hao trong năm	-	2.149.756.199	2.149.756.199
Số dư cuối năm	**-**	**24.066.988.270**	**24.066.988.270**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	195.000.000.000	54.223.965.921	249.223.965.921
Tại ngày cuối năm	**195.000.000.000**	**52.074.209.722**	**247.074.209.722**

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 7.007.460.918 đồng.

(*) Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 183 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội và một phần nhà cửa, phân xưởng cho thuê tại Thành phố Hải Phòng theo phương thức cho thuê thu tiền hàng năm.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
- Chi phí quảng cáo, môi giới các dự án	3.087.117.086	17.763.105.494
- Các khoản khác	346.342.273	-
	3.433.459.359	**17.763.105.494**

13. CÁC KHOẢN VAY

	01/04/2020		Trong năm		31/03/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV	268.000.000.000	268.000.000.000	3.031.260.000.000	439.406.000.000	2.859.854.000.000	2.859.854.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	25.000.000.000	25.000.000.000	133.750.000.000	141.000.000.000	17.750.000.000	17.750.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	-	-	131.000.000.000	10.000.000.000	121.000.000.000	121.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	-	-	22.000.000.000	6.400.000.000	15.600.000.000	15.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	176.108.582.760	176.108.582.760	383.482.898.561	559.591.481.321	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	74.862.498.714	30.055.186.716	44.807.311.998	44.807.311.998
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
	469.108.582.760	**469.108.582.760**	**3.976.355.397.275**	**1.386.452.668.037**	**3.059.011.311.998**	**3.059.011.311.998**
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (*)	-	-	42.261.455.658	-	42.261.455.658	42.261.455.658
	-	**-**	**42.261.455.658**	**-**	**42.261.455.658**	**42.261.455.658**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**-**	**-**			**42.261.455.658**	**42.261.455.658**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Mục đích vay	Thời hạn vay	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/03/2021	01/04/2020
						VND	VND
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV	VND	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư	Từ 06 tháng đến 12 tháng	Từ 5,5% đến 7,5%	Tín chấp	2.859.854.000.000	268.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	VND	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư	06 tháng	Từ 5,0% đến 7,5%	Tín chấp	17.750.000.000	25.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	VND	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư	06 tháng	5,0%	Tín chấp	121.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	VND	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư	06 tháng	Từ 5,0% đến 7,5%	Tín chấp	15.600.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	VND	Bổ sung vốn kinh doanh				-	176.108.582.760
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	Bổ sung vốn kinh doanh	Đến 29/04/2021	Theo từng giấy nhận nợ	(i)	44.807.311.998	-
						3.059.011.311.998	**469.108.582.760**

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị là 121.692.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(*) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021/HĐCVDADT/NHCT168-HOANGHUY ngày 15/03/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức cho vay: 280.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng của chủ đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (không bao gồm các chi phí liên quan đến đề bù giải phóng mặt bằng);
- Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay giải ngân khoản đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

- Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng các tài sản gắn liền với đất có diện tích đất 30.297,1 m^2 hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo các hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT168-HOANGHUY ngày 15/03/2021 và hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2021/HĐBĐ/NHCT168-HOANGHUY ngày 15/03/2021;
- Số dư nợ gốc của Hợp đồng cho vay tại thời điểm 31/03/2021 là 42.261.455.658 đồng; trong đó vay dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là 8.000.000.000 đồng.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/03/2021		01/04/2020	
		Gốc	Lãi phát sinh trong năm	Gốc	Lãi phát sinh trong năm
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV	Công ty con	2.859.854.000.000	153.399.091.343	268.000.000.000	3.559.752.740
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con	17.750.000.000	6.016.553.424	25.000.000.000	2.949.246.575
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	Công ty con	121.000.000.000	1.683.698.631	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	Công ty con	15.600.000.000	1.136.191.781	-	-
		3.014.204.000.000	**162.235.535.179**	**293.000.000.000**	**6.508.999.315**

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng An Trang	2.502.500.000	2.502.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Dũng Thắng	3.644.090.797	3.644.090.797	1.679.412.066	1.679.412.066
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế HD	921.269.000	921.269.000	3.249.386.000	3.249.386.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	-	-	4.370.778.476	4.370.778.476
Công ty Cổ phần Nam Hoàng Việt	-	-	2.959.060.528	2.959.060.528
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Quốc tế Trường Phát	-	-	12.037.182.968	12.037.182.968
- Phải trả các đối tượng khác	3.226.370.760	3.226.370.760	2.269.117.288	2.269.117.288
	10.294.230.557	**10.294.230.557**	**26.564.937.326**	**26.564.937.326**

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	23.079.687.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc tế	11.576.606.839	1.994.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	4.799.599.998	720.999.998
- Công ty TNHH MTV Ô tô Hùng Anh	-	1.027.531.207
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	-	4.439.000.000
- Khách hàng ứng trước tiền mua bất động sản theo tiến độ	221.855.024.654	669.804.026.445
+ *Dự án Hoàng Huy Riverside*	*104.769.547.458*	*149.826.305.512*
+ *Dự án Hoàng Huy Mall*	*6.157.275.704*	*519.977.720.933*
+ *Dự án Nhà ở Xã hội An Đồng, An Dương*	*110.928.201.492*	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	21.184.810.540	5.280.421.384
	282.495.729.031	**683.265.979.034**
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	**-**	**4.439.000.000**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	139.809.108.039	109.237.702.089	-	30.571.405.950
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	6.196.061.796	6.196.061.796	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.349.064.209	143.085.854.463	144.883.872.932	-	8.551.045.740
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39.919.434	18.190.526.706	18.201.170.050	-	29.276.090
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	866.735.341.204	866.735.341.204	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	1.496.224.805	1.496.224.805	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	143.602.818	143.602.818	-	-
	-	**10.388.983.643**	**1.175.656.719.831**	**1.146.893.975.694**	**-**	**39.151.727.780**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
- Trích trước chi phí xây dựng các dự án (*)	32.629.191.162	36.117.059.351
- Chi phí phải trả khác	5.705.215.435	2.991.894.929
	38.334.406.597	**39.108.954.280**

(*) Các khoản chi phí xây dựng cơ bản đã thực tế phát sinh nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để nghiệm thu khối lượng được trích trước theo hồ sơ quyết toán tạm tính, trích trước theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng nếu chưa có hồ sơ quyết toán tạm tính để tạm tính giá vốn thành phẩm bất động sản.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.021.579	316.257.332
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	111.820.765.129	662.712.868.100
+ Thuế GTGT chưa xuất hóa đơn Dự án U1, U2, U3 Lê Lợi và Dự án HH3, HH4	-	*10.765.603.819*
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB - Chi nhánh Hải Phòng	-	*577.138.229.600*
+ Phải trả Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam tiền thanh toán đơn hàng nhập khẩu theo hình thức "L/C trả chậm - Thanh toán trả ngay"	*109.055.850.750*	-
+ Lợi nhuận phân chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	-	*73.642.380.051*
+ Phải trả khác	*2.764.914.379*	*1.166.654.630*
	111.939.786.708	**663.029.125.432**
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.252.349.497	4.701.409.046
- Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	-	499.706.000.000
	12.252.349.497	**504.407.409.046**
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	**-**	**573.348.380.051**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	1.106.620.411	1.457.399.603
	1.106.620.411	**1.457.399.603**

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi loại A 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Mã trái phiếu: TCH_TPCD2019_A;
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án hiện có của Công ty;
- Ngày phát hành: 22/03/2019;
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi có tài sản đảm bảo, không kèm theo chứng quyền;
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, tổng giá trị phát hành là 598.808.000.000 đồng;
- Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm kể từ ngày phát hành;
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi trái phiếu được trả sau. Định kỳ thanh toán: 03 tháng một lần, vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ trả lãi;
- Lãi suất coupon: 5%/năm;
- Tiền lãi phải trả: Mệnh giá trái phiếu nắm giữ trong kỳ trả lãi x 5% x Số ngày thực tế nắm giữ trái phiếu trong kỳ tính lãi đó/365 x Tỷ giá VND/USD tại ngày thanh toán lãi tại Shinhan bank/23.120;
- Lợi suất đến ngày đáo hạn: Ngoài việc thanh toán lãi phát sinh từ lãi suất coupon, Công ty sẽ thanh toán số tiền lợi suất tính trên khoản tiền đến hạn thanh toán ("YTM") khi đáo hạn trái phiếu. Với mục đích này, YTM sẽ bằng 2% mỗi năm trên trái phiếu được tích lũy cho đến ngày thanh toán YTM. YTM sẽ không được thanh toán cho các Trái phiếu đã được chuyển đổi theo các điều khoản và điều kiện;
- Giá chuyển đổi: Cho đợt phát hành thứ nhất là 16.550 đồng/ cổ phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi: = M/P
- Thời hạn chuyển đổi: Đợt 1 tối thiểu lớn hơn hoặc bằng (>=) 33,3% tổng số trái phiếu chuyển đổi lưu hành trong vòng 03 tháng liên tục từ ngày làm việc sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, đợt 2 chuyển đổi tích lũy tối thiểu lớn hơn hoặc bằng (>=) 66,7% tổng số trái phiếu chuyển đổi lưu hành thành cổ phần trong vòng 09 tháng liên tục từ ngày cuối cùng của đợt 1, đợt 3 từ ngày cuối cùng của đợt 2 cho tới ngày cuối cùng của thời hạn chuyển đổi; Chủ sở hữu trái phiếu chỉ được chuyển đổi một lần duy nhất trong mỗi đợt. Thời hạn chuyển đổi cũng được điều chỉnh trên cơ sở thống nhất với chủ sở hữu trái phiếu và được phê duyệt theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐQT ngày 25/01/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Công ty đã áp dụng mức lãi suất là 9%/năm để chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại. Từ đó, xác định ra cấu phần vốn của trái phiếu (quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu). Mức lãi suất này được Công ty xác định căn cứ theo mức lãi suất cho vay tín chấp bình quân trung hạn của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long, là ngân hàng giao dịch thường xuyên với Công ty. Theo đó:

	Ghi nhận ban đầu	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND	VND
Trái phiếu chuyển đổi TCH_TPCD2019_A			
- Giá trị phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	554.437.314.002	239.127.288.420	575.055.127.440
- Chi phí phát hành trái phiếu đã giảm trừ vào nợ gốc trái phiếu tại thời điểm ban đầu	(371.965.000)	(123.988.335)	(247.976.667)
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	44.370.685.998	18.413.885.076	44.370.685.998

21. . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**3.629.940.140.000**	**-**	**44.370.685.998**	**(219.996.488.178)**	**391.732.937.256**	**3.846.047.275.076**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	507.363.973.661	507.363.973.661
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(402.729.582.960)	(402.729.582.960)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	-	-	-	-	(73.642.380.051)	(73.642.380.051)
Số dư cuối năm trước	**3.629.940.140.000**	**-**	**44.370.685.998**	**(219.996.488.178)**	**422.724.947.906**	**3.877.039.285.726**
Số dư đầu năm nay	**3.629.940.140.000**	**-**	**44.370.685.998**	**(219.996.488.178)**	**422.724.947.906**	**3.877.039.285.726**
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông [1]	211.662.700.000	164.596.100.922	(25.956.800.922)	-	-	350.302.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	608.572.237.912	608.572.237.912
Phân phối lợi nhuận [2]	-	-	-	-	(370.935.142.200)	(370.935.142.200)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh [3]	-	-	-	-	(32.357.619.949)	(32.357.619.949)
Giảm khác [4]	-	-	-	-	(2.340.427.068)	(2.340.427.068)
Số dư cuối năm nay	**3.841.602.840.000**	**164.596.100.922**	**18.413.885.076**	**(219.996.488.178)**	**625.663.996.601**	**4.430.280.334.421**

(1) Ngày 16/12/2020, Công ty đã thông qua nội dung chi tiết chuyển đổi một phần trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 22/03/2019 thành cổ phần phổ thông cho Shinhan-Core Trend Global Fund 1 và Shinhan Bank Co., Ltd (là đơn vị uỷ thác của Valuesystem Protect Optimus Private Investment Fund) và ngày 25/01/2021 Công ty đã thông qua nội dung điều chỉnh một số nội dung về thời gian thực hiện quyền chuyển đổi và mua lại trái phiếu trước hạn trái phiếu chuyển đổi loại A năm 2019.

Ngày 19/03/2021, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán chấp thuận về việc phát hành bổ sung cổ phiếu phổ thông theo Văn bản số 966/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy. Kết quả như sau:

- Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 350.302 trái phiếu chiếm 58,5% trong tổng số 598.808 trái phiếu chuyển đổi đã phát hành;
- Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi (theo mệnh giá): 350.302.000.000 đồng;
- Ngày chuyển đổi: 16/03/2021;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/1 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi: 21.166.270 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi theo mệnh giá: 211.662.700.000 đồng.

Công ty đã thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 13 ngày 03/04/2021 tăng vốn góp từ 3.629.940.140.000 đồng lên 3.841.602.840.000 đồng và đã hoàn thành việc lưu ký, niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu mới phát hành.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 12 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 (tương ứng mỗi cổ phần nhận 550 đồng)	5,5%	194.299.360.200
Tạm chi trả cổ tức năm 2020 (tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 đồng)	5,0%	176.635.782.000

(3) Lợi nhuận phân chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy trước thời điểm hợp nhất kinh doanh.

(4) Điều chỉnh tăng số thuế TNDN và thuế GTGT phải nộp các năm phù hợp với quy định về hạch toán theo quy định của nhà nước.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.565.836.250.000	40,76%	1.510.836.250.000	41,62%
Bà Nguyễn Thị Hà	195.125.000.000	5,08%	15.125.000.000	0,42%
Ông Đỗ Hữu Hậu	-	0,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.983.417.090.000	51,63%	1.825.254.390.000	50,28%
Cổ phiếu quỹ mua lại của các cổ đông	97.224.500.000	2,53%	97.224.500.000	2,68%
	3.841.602.840.000	**100,00%**	**3.629.940.140.000**	**100,00%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	*3.629.940.140.000*	*3.629.940.140.000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	*211.662.700.000*	-
Vốn góp cuối năm	*3.841.602.840.000*	*3.629.940.140.000*

d) Cổ phiếu

	31/03/2021	01/04/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	384.160.284	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	384.160.284	362.994.014
- *Cổ phiếu phổ thông*	*384.160.284*	*362.994.014*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.722.450	9.722.450
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.722.450*	*9.722.450*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	374.437.834	353.271.564
- *Cổ phiếu phổ thông*	*374.437.834*	*353.271.564*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/03/2021, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
- *Từ 1 năm trở xuống*	*5.299.292.727*	*8.510.895.361*
- *Trên 1 năm đến 5 năm*	*12.236.691.600*	*9.618.951.382*
- *Trên 5 năm*	-	*2.457.000.000*

b) Cam kết thuê hoạt động

Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích
Lô đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	25.828,2 m^2	Từ năm 2003 đến năm 2033	Xây dựng nhà máy sản xuất động cơ, khung, phụ tùng và lắp ráp xe gắn máy hai bánh
Lô đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	19.875,3 m^2	Từ năm 2002 đến năm 2032	Xây dựng văn phòng điều hành và cửa hàng giới thiệu sản phẩm

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2021	01/04/2020
- Đô la Mỹ	USD	1.329,49	51.357,00
- Euro	EUR	8,95	8,95

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.713.014.294	5.369.488.175
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện thu hồi	1.424.182.408.756	721.805.636.341
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.955.428.338	15.435.948.923
Doanh thu bán bất động sản	1.353.989.943.742	946.071.886.931
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	20.081.802.292	107.656.038.181
	2.809.922.597.422	**1.796.338.998.551**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan *(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)*	312.973.096.415	280.209.966.383

(*) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 8(2) và 8(3).

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	1.784.545.454	-
	1.784.545.454	**-**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.652.768.315	3.962.983.429
Giá vốn của Ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	1.091.982.336.772	518.697.240.320
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.423.482.863	11.835.063.356
Giá vốn bán bất động sản	826.168.216.500	540.823.019.713
Giá vốn hợp đồng xây dựng	20.081.802.292	108.114.992.895
	1.950.308.606.742	**1.183.433.299.713**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	149.375.353.082	46.340.918.956
Lãi bán các khoản đầu tư	13.070.400.000	11.855.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.195.733.600	72.997.810.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	10.243.225
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	18.712.511
	202.641.486.682	**131.222.884.692**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	41.279.185.654	73.346.097.671

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	183.765.441.599	10.879.978.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	19.069.017	35
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	140.161	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	6.664.179.087	3.268.599.696
Lãi trái phiếu và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	44.198.657.088	46.188.015.915
Phí dịch vụ thanh toán "L/C trả chậm - Thanh toán trả ngay"	2.232.089.488	12.570.678.898
	236.879.576.440	**72.907.272.568**
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan	162.235.535.179	6.508.999.315

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.132.269.554	6.243.069.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.582.348	82.154.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.533.624.614	30.862.583.689
Chi phí khác bằng tiền	6.107.237.186	3.629.437.988
	66.848.713.702	**40.817.246.193**

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.813.128.911	4.548.592.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.418.840.252	2.858.766.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.502.636.043	7.583.904.458
Chi phí khác bằng tiền	2.981.834.222	2.664.896.378
	13.716.439.428	**17.656.160.368**

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	5.384.681
Hàng được cho, biếu tặng không thu tiền	5.382.356.574	3.341.048.312
Thu nhập khác	2.004.764.308	66.745.317
	7.387.120.882	**3.413.178.310**

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	281.285.911	7.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	109.266.058
Chi phí khác	382.400.824	60.235.562
	663.686.735	**176.501.620**

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	283.870.030.300	247.772.680.839
Các khoản điều chỉnh tăng	368.566.691	116.266.058
- Chi phí không hợp lệ	*368.566.691*	*116.266.058*
Các khoản điều chỉnh giảm	(44.231.210.312)	(72.997.810.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(40.195.733.600)*	*(72.997.810.000)*
- Giảm khác	*(4.035.476.712)*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	240.007.386.679	174.891.136.897
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**48.001.477.336**	**34.978.227.380**

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	1.908.455.890	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(47.694.657.847)	3.381.387.256
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(51.508.455.890)	(86.054.272.483)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	**(49.293.180.511)**	**(47.694.657.847)**
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	465.879.606.185	368.211.900.252
Thu nhập chịu thuế TNDN	465.879.606.185	368.211.900.252
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**93.175.921.237**	**73.642.380.050**
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	(8.534.847.565)	(15.598.657.994)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	58.043.722.056	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(84.840.569.477)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	**57.844.226.251**	**58.043.722.056**
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	141.177.398.573	108.620.607.430
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**8.551.045.740**	**10.349.064.209**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	463.257.340.189	1.441.767.589.218
Chi phí nhân công	7.063.908.815	13.102.657.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.227.970.326	5.899.934.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	995.053.377.626	841.676.523.519
Chi phí khác bằng tiền	16.233.675.984	6.433.399.750
	1.485.836.272.940	**2.308.880.104.067**

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.865.362.824	-	95.911.897.025	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	454.586.621.044	-	304.665.413.913	-
Các khoản tiền gửi	1.362.247.859.726	-	1.056.552.000.000	-
	1.912.699.843.594	**-**	**1.457.129.310.938**	**-**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2021	01/04/2020
Nợ phải trả tài chính	VND	VND
Vay và nợ	3.101.272.767.656	469.108.582.760
Phải trả người bán, phải trả khác	134.486.366.762	1.194.001.471.804
Chi phí phải trả	38.334.406.597	39.108.954.280
	3.274.093.541.015	**1.702.219.008.844**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2021	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.865.362.824	-	-	95.865.362.824
Phải thu khách hàng, phải thu khác	454.586.621.044	-	-	454.586.621.044
Các khoản tiền gửi	1.362.247.859.726	-	-	1.362.247.859.726
	1.912.699.843.594	**-**	**-**	**1.912.699.843.594**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 01/04/2020	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.911.897.025	-	-	95.911.897.025
Phải thu khách hàng, phải thu khác	304.665.413.913	-	-	304.665.413.913
Các khoản tiền gửi	1.056.552.000.000	-	-	1.056.552.000.000
	1.457.129.310.938	**-**	**-**	**1.457.129.310.938**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2021	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	3.059.011.311.998	42.261.455.658	-	3.101.272.767.656
Phải trả người bán, phải trả khác	122.234.017.265	12.252.349.497	-	134.486.366.762
Chi phí phải trả	38.334.406.597	-	-	38.334.406.597
	3.219.579.735.860	**54.513.805.155**	**-**	**3.274.093.541.015**
Tại ngày 01/04/2020				
Vay và nợ	469.108.582.760	-	-	469.108.582.760
Phải trả người bán, phải trả khác	689.594.062.758	504.407.409.046	-	1.194.001.471.804
Chi phí phải trả	39.108.954.280	-	-	39.108.954.280
	1.197.811.599.798	**504.407.409.046**	**-**	**1.702.219.008.844**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	Bán xe đầu kéo Mỹ	Hoạt động khác	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.374.071.746.034	1.422.397.863.302	11.668.442.632	2.808.138.051.968
Giá vốn	846.250.018.792	1.091.982.336.772	12.076.251.178	1.950.308.606.742
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**527.821.727.242**	**330.415.526.530**	**(407.808.546)**	**857.829.445.226**

	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	Bán xe đầu kéo Mỹ	Hoạt động khác	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	VND	**VND**
Tổng chi phí mua tài sản cố định				2.939.980.000
Tài sản bộ phận	1.792.773.986.862	174.782.582.487	247.074.209.722	2.214.630.779.071
Tài sản không phân bổ				6.051.762.058.070
Tổng tài sản	**1.792.773.986.862**	**174.782.582.487**	**247.074.209.722**	**8.266.392.837.141**
Nợ phải trả của các bộ phận	3.601.409.234.742	158.536.658.314	13.358.969.908	3.773.304.862.964
Nợ phải trả không phân bổ				62.807.639.756
Tổng nợ phải trả	**3.601.409.234.742**	**158.536.658.314**	**13.358.969.908**	**3.836.112.502.720**

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Đại Lộc	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty con
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty con của công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty con đến ngày 12/10/2020 đã thoái hết vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết đến ngày 08/07/2020 đã thoái hết vốn
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết đến ngày 08/07/2020 đã thoái hết vốn

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 13)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**312.973.096.415**	**280.209.966.383**
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	4.768.181.820	73.027.999.991
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	20.813.636.366	5.895.203.180
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	266.208.727.257	159.926.363.635
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	90.000.000	75.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	20.502.727.278	40.669.090.905
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	109.090.909	181.818.181
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	109.090.909	190.909.091
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	371.641.876	243.581.400
Doanh thu tài chính	**41.279.185.654**	**73.346.097.671**
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy - Tiền cổ tức	40.195.733.600	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV - Tiền cổ tức	-	72.997.810.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp - Lãi cho vay	1.083.452.054	348.287.671
Chi phí tài chính	**162.235.535.179**	**6.508.999.315**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV	153.399.091.343	3.559.752.740
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	6.016.553.424	2.949.246.575
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Thịnh Vượng	1.683.698.631	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	1.136.191.781	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/03/2021	01/04/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng	**3.222.300.000**	**-**
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Giang	3.222.300.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	**211.909.368.751**	**17.771.110.000**
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp (Tiền ứng thực hiện Dự án HH3-HH4)	211.909.368.751	17.771.110.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	**-**	**4.439.000.000**
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	-	4.439.000.000
Phải trả khác	**-**	**573.348.380.051**
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (Tiền góp vốn hợp tác đầu tư)	-	499.706.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (Lợi nhuận hợp tác đầu tư)	-	73.642.380.051

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý khác:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/04/2020 đến 31/03/2021	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020
		VND	VND
Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty (Từ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 06 năm 2020)	482.400.000	482.400.000
Vũ Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000	30.000.000
Đỗ Hữu Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	312.120.000	312.120.000
Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Phạm Hồng Dung	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Phan Thị Phương Thuỷ	Thành viên HĐQT độc lập	223.500.000	22.500.000
Trần Thị Hoàng Hà	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 06 năm 2020)	184.960.000	133.890.000
Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2020)	55.000.000	-
Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Phan Thị Thu Hường	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Bùi Thị Trà	Phùng Thị Thu Hương	Trần Thị Hoàng Hà